

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 486/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - khu kinh tế Nghi Sơn;*

*Căn cứ Công văn số 4162/UBND-THKH ngày 27 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc giao triển khai thực hiện các dự án mới sử dụng nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 bổ sung có mục tiêu để đầu tư trở lại cho tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5440/SXD-HĐXD ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn (kèm theo hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi số 5010/SXD-HĐXD ngày 08 tháng 7 năm 2024); của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá tại Tờ trình số 31/TTr-BQLDAKV ngày 16 tháng 5 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn với những nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá.

**4. Địa điểm xây dựng:** Thuộc địa phận các phường: Xuân Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.

**5. Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 30ha.

**6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Nhóm B, Công trình giao thông, cấp II.

**7. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.

**8. Tổ chức tư vấn thẩm tra dự án:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long.

**9. Mục tiêu đầu tư:** Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch nhằm nâng cao năng lực vận tải, lưu thông hàng hoá; tạo điểm nhấn về cảnh quan môi trường trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

**10. Quy mô đầu tư:**

- Đường Bắc Nam 2: (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B): Đầu tư hoàn thiện 7,6km đường theo mặt cắt ngang quy hoạch với quy mô nền đường 36m (mặt đường  $2 \times 10,5 = 21\text{m}$ , dải phân cách giữa 3m, vỉa hè  $2 \times 6 = 12\text{m}$ ); cụ thể: Mở rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$ ; hoàn thiện dải phân cách giữa, lát vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi vỉa hè (bao gồm hệ thống thoát nước dọc, hào kỹ thuật, cây xanh ...) theo quy hoạch được phê duyệt.

- Đường Bắc Nam 1B: Đầu tư hoàn thiện 2,9km đường theo mặt cắt ngang quy hoạch với quy mô nền đường 36m (mặt đường  $2 \times 10,5 = 21\text{m}$ , dải phân cách

giữa 3m, vỉa hè  $2 \times 6 = 12\text{m}$ ); cụ thể: Mở rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$ , hoàn thiện giải phân cách giữa theo quy hoạch được phê duyệt.

## 11. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

### 11.1. Đường giao thông

#### a) Bình đồ:

- Đối với tuyến đường Bắc Nam 2: Có điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 1A tại Km369+400 (lý trình Quốc lộ 1A); điểm cuối Km7+606,09 giao với đường Bắc Nam 1B. Tổng chiều dài tuyến:  $L=7.606,09\text{m}$ ; hướng tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng; toàn tuyến có 32 đỉnh chuyển hướng, trong đó có 12 đỉnh không đóng cong, bán kính đường cong nhỏ nhất trên tuyến  $R_{\min}=235\text{m}$ , lớn nhất  $R_{\max}=3.500\text{m}$ ;

- Đối với tuyến đường Bắc Nam 1B: Có điểm đầu Km0+00 giao với đường Bắc Nam 2 tại Km7+609 (lý trình Bắc Nam 2) thuộc địa phận xã Tùng Lâm; điểm cuối Km2+960,09 giao với ĐT.513 thuộc xã Mai Lâm; tổng chiều dài tuyến  $L=2.960,09\text{m}$ ; hướng tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng; toàn tuyến có 07 đỉnh chuyển hướng, trong đó có 05 đỉnh không đóng cong, bán kính đường cong nhỏ nhất trên tuyến  $R_{\min}=210\text{m}$ , lớn nhất  $R_{\max}=1200\text{m}$ .

#### b) Thiết kế mặt cắt dọc:

- Tuyến Bắc Nam 2: Đường đò được thiết kế trên cơ sở mặt đường hiện tại, thiết kế nâng cao mặt đường hiện trạng lên cao độ đủ để thảm 01 lớp BTN dày 5cm lên trên mặt đường cũ để đảm bảo modun đàn hồi theo tính toán của cấp đường trong giai đoạn hoàn chỉnh. Độ dốc dọc lớn nhất  $i=3,82\%$  (đường đầu cầu Lạch Bạng II - đảm bảo độ dốc lớn nhất theo quy trình).

- Tuyến Bắc Nam 1B: Đường đò được thiết kế trên cơ sở mặt đường hiện tại, thiết kế nâng cao mặt đường hiện trạng lên cao độ đủ để thảm 01 lớp BTN dày 5cm lên trên mặt đường cũ để đảm bảo modun đàn hồi theo tính toán của cấp đường trong giai đoạn hoàn chỉnh. Riêng đoạn tuyến Km2+726,12 - Km2+960,09 nằm trong khu vực nút giao với ĐT.513, cao độ mặt đường hiện trạng 2 bên đang chênh cao khá lớn, nên không thiết kế đường đò trên trắc dọc mà chỉ thiết kế nâng cao mặt đường trên mặt cắt ngang chi tiết. Dốc dọc lớn nhất  $I=0,24\%$  (đảm bảo độ dốc lớn nhất theo quy trình).

#### c) Thiết kế mặt cắt ngang:

- Tuyến đường Bắc - Nam 2 (đoạn Km0+00 - Km7+606,09):

+ Trên hiện trạng nền mặt đường cũ đã được đầu tư với quy mô  $B_n = 25\text{m}$ ; trong đó  $B_m = 2 \times 7,0 = 14\text{m}$ ,  $B_{\text{về đất}} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$  và  $B_{\text{pcg}} = 10\text{m}$ . Hoàn thiện đảm bảo quy mô theo quy hoạch với  $B_n = 36\text{m}$  trong đó:  $B_m = 2 \times 10,5 = 21\text{m}$  (phần mặt đường cũ  $B_{\text{mr}} = 2 \times 7,0\text{m} = 14,0\text{m}$  và phần mở rộng mặt đường  $B_{\text{mr}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ );  $B_{\text{vh}} = 2 \times 6,0 = 12\text{m}$ ; Hoàn thiện giải phân cách giữa theo quy hoạch được phê duyệt  $B_{\text{pcg}} = 3,0\text{m}$ .

+ Thiết kế bổ sung vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật 2 bên với  $B_{\text{vh}} = 2 \times 6,0 = 12\text{m}$

+ Phần Cầu Lạch Bạng 2 đoạn từ Km1+280,55 - Km1+600: Giữ nguyên hiện trạng.

- Tuyến đường Bắc - Nam 1B (đoạn từ Km0+00 - Km2+960,09):

+ Trên hiện trạng nền mặt đường cũ đã được đầu tư với quy mô  $B_n = 36m$ ; trong đó  $B_m = 2 \times 7,0 = 14m$ ,  $B_{vh} = 2 \times 6,0 = 12m$  và  $B_{pcg} = 10m$ . Mở rộng mặt đường theo Quy hoạch  $B_m = 2 \times 10,5 = 21m$  (phần mở rộng nằm trong phạm vi GPC giữa, trong đó mặt đường cũ  $B_{mr} = 2 \times 7,0m = 14,0m$  và phần mở rộng  $B_{mr} = 2 \times 3,5m = 7,0m$ ); Hoàn thiện giải phân cách giữa theo quy hoạch được phê duyệt  $B_{pcg} = 3,0m$ .

+ Độ dốc ngang mặt đường 2 mái  $i = 2\%$ .

+ Vía hè, cây xanh hai bên được giữ nguyên, tháo dỡ và tận dụng bó vỉa phân cách giữa.

d) Kết cấu áo đường: Sử dụng kết cấu mặt đường cấp cao A1 với modul đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$ . Có 4 loại kết cấu như sau:

- Kết cấu I (KC1.1): Áp dụng đối với mặt đường làm mới, mở rộng, được thiết kế đảm bảo modul đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$ , gồm các lớp từ trên xuống như sau: BTN C16 dày 5cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>, BTN C19 lớp dưới dày 7cm, tưới dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>, Đá dăm đen nhựa đặc dày 12cm, tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m<sup>2</sup>, móng trên bằng CPĐĐ loại I dày 15cm, móng dưới bằng CPĐĐ loại II dày 30cm, lớp đáy móng bằng lớp đất có độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,98$  dày 30cm.

- Kết cấu II (KC1.2): Áp dụng đối với đoạn tăng cường trên mặt đường nhựa hiện trạng còn tốt, có hiện tượng bạc đầu, rạn nứt chân chim và bong tróc chiều sâu  $\leq 2,5cm$ ,  $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$ , thiết kế gồm các lớp từ trên xuống như sau: BTN C16 dày 5cm, bù vênh đường cũ bằng BTN C16 dày trung bình 2cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>.

- Kết cấu III (KC2.1): Áp dụng đối với đoạn trên mặt đường nhựa hiện trạng bị sinh lún, được thiết kế đảm bảo modul đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$ . Đào vuông thành sắc cạnh những vị trí bị hư hỏng sinh lún với chiều sâu 94cm và hoàn trả đến cao độ mặt đường hiện trạng với kết cấu từ trên xuống như sau: BTN C19 lớp dưới dày 7cm, tưới dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>, đá dăm đen nhựa đặc dày 12cm, tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m<sup>2</sup>, móng trên bằng CPĐĐ loại I dày 15cm, móng dưới bằng CPĐĐ loại II dày 30cm, lớp đáy móng bằng lớp đá thải dày 30cm. Sau khi hoàn trả kết cấu tiến hành tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>, sau đó thảm tăng cường 1 lớp BTN C16 dày 5cm hoàn thiện cao độ đường đô.

- Kết cấu IV (KC2.2): Áp dụng đối với đoạn tăng cường trên mặt đường nhựa hiện trạng bị lún lõm chiều sâu  $> 2,5cm$ , được thiết kế đảm bảo modul đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$ . Đào bỏ hết lớp mặt cũ dày 7cm và hoàn trả đến cao độ mặt đường hiện trạng với kết cấu từ trên xuống như sau: BTN C19 lớp dưới dày 7cm, tưới dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>. Sau khi hoàn trả kết cấu tiến hành

tươi nhựa dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>, sau đó thảm tăng cường 1 lớp BTN C16 dày 5cm hoàn thiện cao độ đường đở.

e) Thiết kế nền đường:

- Nền đường đắp thông thường: Độ dốc mái taluy 1/1,5. Trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày tùy từng vị trí theo hồ sơ khảo sát địa chất được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định và thuyết minh tính toán, đào cấp đổi với các đoạn nền đắp có độ dốc ngang >20%; đắp trả bằng đất đạt  $K \geq 0,95$ . Dưới cao độ đáy móng dày 30cm nền đường đắp đất với độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,98$ . Riêng các đoạn qua khu vực có nước ngập thường xuyên gia cố mái taluy bằng BTCT M200 dày 15cm trên lớp vữa đệm XM M100 dày 2cm, chân khay bằng BTXM M150.

- Nền đường đắp qua khu vực nền đất yếu: Đào thay phần đất yếu không có khả năng chịu lực (lớp sét màu xám nâu, xám đen trạng thái dẻo chảy) chiều dày đào sâu trung bình 2m, trải vải địa kỹ thuật  $R \geq 12\text{KN/m}$  đắp trả 1,0m cát đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,9$  làm mặt bằng thi công, sau đó đắp trả đất đắp thông thường lu lèn chặt  $K \geq 0,95$  đến cao độ thiết kế.

- Nền đường đào thông thường: Phạm vi nền đường trong phân cách giữa đã được xử lý ở giai đoạn 1 của dự án, tuy nhiên ở bước tiếp theo cần đào kiểm tra, đánh giá lại hiện trạng nền đường trước khi thi công kết cấu áo đường đối với phần cap mở rộng để đảm bảo độ chặt theo yêu cầu.

f) Nút giao: Trên tuyến có 05 nút giao gồm nút giao tại Km0+00/BN2 (giao với Quốc lộ 1A tại Km369+400/QL1A); nút giao với đường Đông Tây 1 tại Km2+312,24/BN2; nút giao với đường Đông Tây 2 tại Km3+634,56/BN2; nút giao đường BN1B với đường BN2 tại Km7+606,09/BN2; nút giao với ĐT.513 tại Km2+900/BN1B.

- Nút giao với Quốc lộ 1A tại Km0+00-BN2: Chỉ thảm tăng cường lớp BTN C16 dày 5cm và thiết kế vạch sơn, bổ sung biển báo theo QCVN 41/2019 trên phạm vi tuyến đường Bắc Nam 2, phạm vi các nhánh trên Quốc lộ 1A được giữ nguyên hiện trạng.

- Các nút giao còn lại: Các nhánh nút giao được thảm tăng cường 1 lớp BTN C16 dày 5cm. Thiết kế lại vạch sơn, bổ sung các biển báo hiệu theo QCVN 41/2019. Riêng nút giao với đường Đông Tây 1, nút giao với đường Đông Tây 2 và nút Giao Bắc Nam 2- Bắc Nam 1B được tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo kết hợp với đèn tín hiệu giao thông tự động điều khiển được xây dựng mới. Hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông được kết hợp giữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông (xanh, vàng, đỏ), hệ thống vạch sơn (vạch dừng, vạch người đi bộ, vạch phân làn) và biển báo giao thông. Hệ thống đèn tín hiệu giao thông được điều khiển bởi 01 tủ điều khiển tín hiệu giao thông thông minh.

g) Đường ngang dân sinh: Toàn tuyến có tổng 50 điểm vượt nôi đường ngang dân sinh. Vượt nôi đảm bảo êm thuận, độ dốc dọc của đường ngang  $I_d \leq 4\%$ , chiều dài vượt  $\leq 30\text{m}$ . Kết cấu mặt đường vượt nôi như sau:

- Đối với các đường ngang có mặt đường hiện trạng là đường nhựa, BTXM: Mặt đường bằng BTN C16 dày 5cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>.

## 11.2. Công trình thoát nước

### a. Thoát nước dọc:

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước dọc trên tuyến Bắc Nam 2. Hệ thống thoát nước mặt đường bố trí dọc hai bên vỉa hè có khẩu độ cống tròn D800, D1000, D1200 và D1500. Cống tròn bằng BTCT đúc sẵn trên vỉa hè dùng loại VH (hoặc H10), dưới lòng đường dùng loại chịu lực tải trọng HL93 (hoặc H30). Hồ ga thăm bằng bê tông xi măng M200, khoảng cách trung bình 30m/1 vị trí. Cao độ mặt hồ ga bằng cao độ vỉa hè hoàn thiện, nắp ga bằng gang đúc. Cửa thu nước trực tiếp bằng bê tông xi măng M200, tấm đan cửa thu bằng BTCT M250, tấm chắn rác bằng gang đúc.

- Đoạn Km1+700 - Km5+600: Theo Quy hoạch vị trí thoát nước dọc được đặt tại vị trí giữa phân cách giữa, tuy nhiên phân cách giữa hiện trạng đã được đầu tư trồng cây xanh và các hạ tầng kỹ thuật như đường điện, đường nước... để đảm bảo thuận tiện trong công tác triển khai thi công, không phải đào, cắt mặt đường cũ để thi công cửa thu xương cá, giữ nguyên được hệ thống cây xanh cũng như các hạ tầng kỹ thuật thực hiện thiết kế điều chỉnh cống thoát nước mặt sang 2 bên vỉa hè.

### b. Thoát nước thải

Đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước thải trên tuyến Bắc Nam 2 bằng cống tròn D300. Cống tròn bằng BTCT đúc sẵn trên vỉa hè dùng loại VH (hoặc H10), dưới lòng đường dùng loại chịu lực tải trọng HL93 (hoặc H30). Hồ ga thu bằng bê tông xi măng M200 khoảng cách trung bình 30m/1 vị trí. Cao độ mặt hồ ga cao bằng cao độ vỉa hè hoàn thiện, nắp ga bằng gang đúc.

### c. Thoát nước ngang:

- Thiết kế nối 17 cống đối với các cống tròn và cống hộp hiện có trên tuyến; trong đó tại Km6+756,95 bổ sung thêm 01 cống hộp BxH = 2x(1,5x2,0)m.

- Kết cấu cống hộp: Thân cống bằng BTCT M300, trên lớp BT lót M100 dày 10cm, móng đặt trên nền thiên nhiên; tường cánh, tường đầu cống bằng BTXM M150. Kết cấu cống tròn: Móng cống, tường đầu và tường cánh bằng bê tông M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm; ống cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn dùng loại chịu lực tải trọng HL93; gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM M150.

### d. Hoàn trả mương thủy lợi hiện trạng

- Hoàn trả mương thủy lợi đang cung cấp nước cho các hộ nuôi trồng thủy sản thuộc địa phận phường Tĩnh Hải cụ thể đoạn từ Km5+138,48 - Km5+456,25 phía trái tuyến và đoạn Km5+217,40 - Km5+389,66 phía phải tuyến, tổng chiều dài L= 490m. Hoàn trả mương bằng BTXM, BTCT.

### 11.3. Via hè, bó via, gờ bó hè, đan rãnh, hố trồng cây, cây xanh:

- Đan rãnh: Được bố trí ở dọc hai bên vỉa hè. Rãnh đan tam giác thu nước mặt trong đường thiết kế bằng đá xẻ với chiều rộng 30cm độ dốc  $i=10\%$ , kích thước (50x30x3)cm trên lớp đệm vữa XM M100 dày 2cm.

- Bó vỉa hè: Bó vỉa dạng vát bằng đá xẻ có kích thước (100x26x23)cm được bố trí dọc hai bên tuyến Bắc Nam 2 (tuyến Bắc Nam 1B đã thi công hoàn tại các đường giao bó vỉa có kích thước thấp tầng kỹ thuật và vỉa hè), ở các đường giao bó vỉa có kích thước (40x26x23)cm để phù hợp với bán kính vuốt nối đường cong, chiều cao từ đỉnh bó vỉa xuống đáy rãnh tam giác 12cm. Bó vỉa được đặt trên lớp đệm VXM M100 dày 2cm, móng bằng BTXM M150 dày 15cm.

- Bó vỉa phân cách giữa: Được bố trí 2 bên phân cách giữa đường Bắc Nam 2. Cấu tạo bằng đá xẻ kích thước (20x52x100)cm; đoạn đường cong kích thước (20x52x40)cm, chiều cao từ đỉnh bó vỉa xuống mép mặt đường là 30cm. Bó vỉa được đặt trên lớp đệm VXM M100 dày 2cm, móng bằng BTXM M150 dày 10cm (Riêng trên tuyến Bắc Nam 1B tận dụng lại bó vỉa phân cách giữa còn tốt được tháo dỡ trên tuyến Bắc Nam 2 và tuyến Bắc Nam 1B).

- Vỉa hè: Lát đá đục nhám kích thước (20x20x5)cm trên lớp đệm vữa BTXM M50 dày 2cm, bê tông lót móng tạo phẳng M150 dày 10cm. Khóa hè bằng BTXM M150 Kích thước (100x13x16)cm móng khóa hè bằng BTXM150 dày 5cm.

- Hố trồng cây: Kết cấu hố trồng cây bằng gạch xây VXM M50 dày 10,5cm, cao 22cm trát vữa XMM75 dày 2cm. Bên dưới là lớp móng bằng BTXM M100 dày 10cm.

- Cây xanh:

+ Phần vỉa hè trên tuyến Bắc Nam 1B đã được trồng cây xanh, chỉ thiết kế trồng cây xanh vỉa hè trên tuyến Bắc Nam 2 là các loại cây có đường kính gốc  $D=(18-20)$ cm, chiều cao cây  $H=(4,5-6,0)$ m.

+ Trên giải phân cách giữa dọc tuyến Bắc Nam 2 và tuyến Bắc Nam 1B đã được trồng cây ở giai đoạn trước của dự án; chỉ bổ sung, thay thế những cây bị hư hỏng, chết....

### 11.4. Hào kỹ thuật dọc tuyến

Hào kỹ thuật dọc bằng 03 ống HDPE D110 được bố trí dọc 2 bên vỉa hè của tuyến Bắc Nam 2 và đặt chìm dưới kết cấu vỉa hè. Hố ga thăm hào kỹ thuật được bố trí với khoảng cách 30m/hố, kích thước hố ga (1,52x1,02)m bằng BTXM M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, các tấm đan đặt nổi trên vỉa hè bằng BTCT M250 kích thước (0,7x1,2x0,09)m các góc táp được bố trí thép hình L70x70x8.

### 11.5. Hệ thống chiếu sáng đường phố

Toàn bộ hệ thống chiếu sáng của dự án đã được đầu tư, chỉ di chuyển những vị trí cột điện chiếu sáng bị ảnh hưởng trong phạm vi thi công về vị trí theo

thiết kế mới.

#### 11.6. Tổ chức giao thông

Xây dựng và bổ sung đồng bộ hệ thống an toàn giao thông (biển báo, vạch sơn, dải phân cách ...) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

*(Nội dung chi tiết có hồ sơ kèm theo).*

**12. Số bước thiết kế:** 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

**13. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 435.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC: 20.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 344.167.413.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 3.864.396.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 13.893.232.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.013.679.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 50.061.280.000 đồng.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

**14. Nguồn vốn và cơ cấu của nguồn vốn:** Nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 bổ sung có mục tiêu để đầu tư trở lại cho tỉnh Thanh Hóa (theo Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 29/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

**16. Thời gian thực hiện:** Năm 2024 - 2025.

**17. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:** Theo danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 5010/SXD-HĐXD ngày 08/7/2024.

**18. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:**

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phù hợp với quy mô và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện: Giao UBND thị xã Nghi Sơn làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp (chủ đầu tư) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt dự án; tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung



theo báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản 5010/SXD-HĐXD ngày 08/7/2024 của Sở Xây dựng.

- UBND thị xã Nghi Sơn tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG BẮC NAM 1B VÀ ĐƯỜNG BẮC NAM 2 (ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1A TẠI PHƯỜNG**  
**XUÂN LÂM ĐẾN NÚT GIAO VỚI ĐƯỜNG BẮC NAM 1B)**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: **Đồng**

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
<b>I</b>	<b>Chi phí GPMB</b>	<b>Ggpmb</b>	Khái toán chi tiết	<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>Gxd</b>		<b>315.925.150.432</b>	<b>28.242.262.772</b>	<b>344.167.413.000</b>
1	Phần đường Bắc Nam 1B		Dự toán chi tiết	36.742.355.308	3.409.173.491	40.151.529.000
2	Phần đường Bắc Nam 2			276.134.991.204	24.577.403.751	300.712.395.000
3	Phần đèn tín hiệu giao thông			3.047.803.920	255.685.530	3.303.489.000
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>Gqlda</b>	1,529% x 0,8 x 315.925.150.432	<b>3.864.396.440</b>		<b>3.864.396.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>Gtv</b>		<b>13.175.578.872</b>	<b>717.652.889</b>	<b>13.893.232.000</b>
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT		QĐ số 31/QĐ-BQLDAKV ngày 25/3/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	34.680.000		34.680.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập BCNCKT			46.833.000		46.833.000
3	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi		QĐ số 65/QĐ-BQLDAKV ngày 26/4/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	2.003.703.704	160.296.296	2.164.000.000
4	Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường		QĐ số 46/QĐ-BQLDAKV ngày 15/4/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	81.273.148	6.501.852	87.775.000
5	Chi phí khôi phục cấm cọc GPMB		Khái toán	925.925.926	74.074.074	1.000.000.000
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC		3,00% x 1.851.851.852	55.555.556		55.556.000
7	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC		3,959% x 1.851.851.852	73.314.815		73.315.000

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
8	Chi phí khảo sát bước lập BVTC		Khái toán	1.851.851.852	148.148.148	2.000.000.000
9	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán		1,065% x 315.925.150.432	3.364.602.852	269.168.228	3.633.771.000
10	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi		QĐ số 31/QĐ-BQLDAKV ngày 25/3/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	152.527.778	12.202.222	164.730.000
11	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng		0,066% x 315.925.150.432	208.510.599	16.680.848	225.191.000
12	Chi phí thẩm tra dự toán công trình		0,062% x 315.925.150.432	195.873.593	15.669.887	211.543.000
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT		QĐ số 31/QĐ-BQLDAKV ngày 25/3/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	8.726.000		8.726.000
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và khôi phục cấm cọc GPMB		0,400% x 6.633.771.000	26.535.084		26.535.000
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng		Mức tối đa theo NĐ số 24/2024/NĐ-CP	120.000.000		120.000.000
16	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu kiểm toán		Mức tối thiểu theo NĐ số 24/2024/NĐ-CP	6.000.000		6.000.000
17	Chi phí giám sát thi công xây dựng		1,168% x 315.925.150.432	3.690.005.757		3.690.006.000
18	Chi phí thẩm định giá vật tư, thiết bị		Tham khảo các công trình tương tự	186.391.667	14.911.333	201.303.000
19	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT		QĐ số 31/QĐ-BQLDAKV ngày 25/3/2024 của Ban QLDA ĐTXD KV KKTNS&CKCN	5.000.000		5.000.000

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
20	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và khôi phục cấm cọc GPMB		0,200% x 6.633.771.000	13.267.542		13.268.000
21	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp		Mức tối đa theo NĐ số 24/2024/NĐ-CP	120.000.000		120.000.000
22	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu kiểm toán		Mức tối thiểu theo NĐ số 24/2024/NĐ-CP	5.000.000		5.000.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gk</b>		<b>2.832.625.120</b>	<b>181.054.651</b>	<b>3.013.679.000</b>
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		0,008% x 0,5x1,5 x 435.000.000.000	26.100.000		26.100.000
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC		0,039% x 315.925.150.432	123.210.809		123.211.000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng		0,037% x 315.925.150.432	116.892.306		116.892.000
4	Chi phí kiểm toán					
-	<i>Chi phí kiểm toán phần không bao gồm GPMB (99/2021/NĐ-CP)</i>		<i>0,219% x 415.000.000.000</i>	<i>908.850.000</i>	<i>72.708.000</i>	<i>981.558.000</i>
-	<i>Chi phí kiểm toán phần GPMB (theo điểm đ Điều 46-NĐ 99/2021/NĐ-CP)</i>		<i>0,219% x0,5x 20.000.000.000</i>	<i>21.900.000</i>	<i>1.752.000</i>	<i>23.652.000</i>
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán					
-	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần không bao gồm GPMB (99/2021/NĐ-CP)</i>		<i>0,150% x0,5x 415.000.000.000</i>	<i>311.250.000</i>		<i>311.250.000</i>

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
-	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần GPMB (điểm đ Điều 46-ND 99/2021/ND-CP)</i>		0,150% x0,5x0,5x 20.000.000.000	7.500.000		7.500.000
6	Chi phí bảo hiểm công trình		0,25% x 315.925.150.432	789.812.876	78.981.288	868.794.000
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu XDCT		5,00% x 3.690.005.757	184.500.288		184.500.000
8	Chi phí đấu nối hạ tầng kỹ thuật		Tham khảo các công trình tương tự	92.592.593	7.407.407	100.000.000
9	Chi phí đảm bảo ATGT phục vụ thi công		Dự toán chi tiết	250.016.249	20.205.956	270.222.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Gdp</b>		<b>50.061.280.000</b>		<b>50.061.280.000</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	9,185% x 384.938.720.000	35.356.621.000		35.356.621.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	Gdp2	3,82% x 384.938.720.000	14.704.659.000		14.704.659.000
	<b>Tổng mức đầu tư</b>		<b>(I+II+III+IV+V+VI)</b>			<b>435.000.000.000</b>
<b>Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ</b>						